TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Hán Quang

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: xx, ấp An Hòa, xã xxx, huyện xx, tỉnh Bến Tre; (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Kong Tô H, sinh năm 1965; địa chỉ: x Huyện Toại, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Kong Tô H tự quen biết, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã xxx, huyện xx, tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/4/2002. Giữa bà với ông H phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2011 do hai bên có quan điểm sống khác nhau nên thường hay tranh cãi nhau. Ông H không lo làm ăn và lo lắng cho vợ con. Từ năm 2011, ông H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống mà không trở về, không thăm nom, chăm sóc cho con, để bà tự nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến nay. Bà L nhận thấy cuộc hôn nhân giữa vợ chồng không đạt

được mục đích, ông H bỏ đi và không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Kong Tô H có với nhau hai con chung là Kong Kim N (nữ, sinh ngày 04/8/2002) và Kong Tô Lp (nam, sinh ngày 23/9/2011). Hiện nay các con chung đều do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nơi cư trú của bà L, vì vậy, bà L đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 bà L có yêu cầu ông Kong Tô H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tuy nhiên, nhận thấy ông H không có việc làm có thu nhập nên bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L xác định không có tài sản chung với ông Kong Tô H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Bà L xác định không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như đã nêu trên.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Kong Tô H nhưng phía bị đơn đã không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

Tại phiên tòa, ông Kong Tô H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án vẫn còn một số khuyết điểm như chậm đưa vụ án ra xét xử, chậm giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi đưa vụ án ra xét xử (trễ 06 ngày so với quy định).

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân Quận 11 nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện đối với ông Kong Tô H, yêu cầu giải quyết ly hôn; ông Kong Tô H cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Kong Tô H cư trú tại số nhà x Huyện Toại, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường x, Quận 11 là "*đương sự Kong Tô H, sinh năm 1965, hiện cư trú x Huyện Toại, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh*". Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 12/7/2019 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L:

Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Kong Tô H là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã xxx, huyện xx, tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/4/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị L và ông Kong Tô H phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác biệt nhau, hai bên thường xuyên tranh cãi nhau. Ông H không lo làm ăn và lo lắng cho vợ con. Từ năm 2011, ông H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống mà không trở về, không thăm nom, chăm sóc cho con, để bà L tự nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến nay. Bà L nhận thấy cuộc hôn nhân giữa vợ chồng không đạt được mục đích, ông H bỏ đi và không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Tòa án nhân dân Quận 11 đã tống đạt Thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến số 46/TB-TAQ11 ngày 13/5/2019, trong đó, nêu rõ các yêu cầu của bà Nguyễn Thị L và yêu cầu ông Kong Tô H phản hồi ý kiến. Ông Kong Tô H có mặt tại nhà nhưng không đồng ý ký nhận văn bản của Tòa án. Xét thấy bà L và ông H đã sống ly thân từ năm 2011; ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng tham gia phiên hòa giải nhưng ông H không đồng ý ký nhận và không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải thể hiện ông H không có ý chí muốn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Kong Tô H là trầm trọng, việc hòa giải mâu thuẫn vợ chồng là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung:

Ông Kong Tô H và bà Nguyễn Thị L chung sống, có với nhau hai con chung là Kong Kim N (nữ, sinh ngày 04/8/2002) và Kong Tô Lp (nam, sinh ngày 23/9/2011). Hiện nay các con chung đều do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nơi cư trú của bà L, vì vậy, bà L đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 bà L có yêu cầu ông Kong Tô H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tuy nhiên, xét thấy ông H không có việc làm có thu nhập nên bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Bản kết quả xác minh ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 thì Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 cung cấp thông tin như sau: *"...ông Kong Tô H hiện nghề nghiệp không ổn định, chuyện kiếm sống của ông H là nghề lượm ve chai; ông H đi lượm ve chai từ sáng sớm cho đến khuya mới về nhà..."*

Tại biên bản ghi lời khai của trẻ Kong Kim N và trẻ Kong Tô Lp ngày 27/3/2018 thì trẻ N và trẻ Lp khai có nguyện vọng xin được sinh sống cùng với mẹ.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét thấy việc giao các con chung là trẻ Kong Kim N và trẻ Kong Tô Lp cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các trẻ và đảm bảo điều kiện học tập, sinh sống bình thường của các trẻ. Căn cứ Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, giao trẻ Kong Kim N và trẻ Kong Tô Lp cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Kong Tô H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Đương sự Nguyễn Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung và các vấn đề khác:

Đương sự Nguyễn Thị L khai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Xét yêu cầu của bị đơn – ông Kong Tô H:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng bao gồm: Giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn.

[4] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Đại diện Viện kiểm sát kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L là cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Giấy chứng nhận số 36/GCN-HN-HCN ngày 01/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã xxx, huyện xx, tỉnh Bến Tre nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung do người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L đã rút yêu cầu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Kong Tô H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã xxx, huyện xx, tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/4/2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Kong Tô H và bà Nguyễn Thị L chung sống có với nhau hai người con chung là Kong Kim N (nữ, sinh ngày 04/8/2002) và Kong Tô Lp (nam, sinh ngày 23/9/2011). Giao các trẻ Kong Kim N và Kong Tô Lp cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Kong Tô H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Kong Tô H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và các vấn đề khác:

Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND xã xxx, huyện xx, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng